

CTCP VINHOMES (HSX: VHM)_Báo cáo cập nhật_11.2021



MUA, Giá mục tiêu: 99,400 VND (+20%)

Điểm nhấn đầu tư

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu VHM, với giá mục tiêu 99,400 VND/cổ phiếu (+20%), dựa trên 3 luận điểm chính:

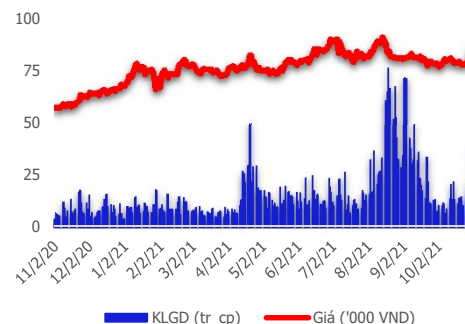
- VHM là đơn vị phát triển bất động sản dẫn đầu tại Việt Nam với thị phần tổng hợp các phân khúc 25% (2016-2Q2021), bỏ xa các đối thủ cạnh tranh khác. Số lượng và quy mô các dự án khổng lồ với trên 16.4 nghìn ha và còn tiếp tục gia tăng cho phép công ty phát triển mạnh mẽ trong dài hạn với hiệu quả kinh doanh vượt trội. Lợi thế rất lớn từ các sản phẩm mới như The Miami tại đại dự án Vinhomes Smart City hay The Pavillion tại Vinhomes Ocean Park (ra mắt Q3/2021) hay dự án mới như Vinhomes Dream City, Vinhomes Wonder Park (kỳ vọng 2022). Giao dịch bán buôn kỳ vọng tiếp tục thúc đẩy doanh thu ghi nhận và pre-sales trong Q4/2021 và sang 2022.
- Xây dựng các chuẩn mực đời sống đô thị hiện đại, khẳng định đẳng cấp cư dân tại các khu đô thị: Ưu thế các dự án lớn cho phép công ty phát triển các chuỗi giá trị khép kín với các sản phẩm bất động sản chất lượng cao, dịch vụ tiện ích đồng bộ, đầy đủ, đáp ứng các tiêu chuẩn và khẳng định đẳng cấp cư dân khi lựa chọn các khu đô thị, sản phẩm thương hiệu Vinhomes.
- Hưởng lợi từ hệ sinh thái của Vingroup: Cung cấp các dịch vụ tiện ích chất lượng cao cho các dự án bất động sản thương hiệu Vinhomes. Điều này tạo lợi thế cạnh tranh trong việc đạt được các quyết định đầu tư dự án bất động sản lớn trước các đối thủ khi ngày càng khó khăn trong việc phát triển quỹ đất. Mặc khác thúc đẩy hoạt động kinh doanh bán hàng, thu hút các nhà đầu tư, khách hàng mua sản phẩm.

Rủi ro đầu tư

Các rủi ro đầu tư khi các yếu tố như chu kỳ ngành, chi phí vật liệu xây dựng, pháp lý hay tiến độ các dự án không đạt được như kế hoạch sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Mặc dù vậy, là đơn vị đầu ngành, có nguồn lực phát triển dự án tốt và kế hoạch chuẩn bị chu đáo, chúng tôi cho rằng những rủi ro trên đã được Công ty quản trị chặt chẽ đảm bảo kế hoạch đặt ra tại ĐHCĐ.

Rủi ro dịch bệnh: Vinhomes vẫn duy trì ổn định hoạt động kinh doanh nhờ chuyển đổi từ nền tảng offline (bán hàng trực tiếp) sang nền tảng online (bán hàng trực tuyến) với chiến lược Vinhomes Online trong đó nền tảng số được đầu tư, củng cố nhằm thích ứng với dịch bệnh và tạo tiền đề bứt phá mạnh mẽ cho các giai đoạn tiếp theo.

BIẾN ĐỘNG GIÁ



	1M	3M	12M
VHM (%)	3%	-1%	44%
VNIndex (%)	6%	9%	55%

Nguồn: Bloomberg

Đơn vị: tỷ đồng	2020A	2021F	2022F	2023F	2024F
Doanh thu	71,547	86,723	113,891	139,183	154,581
EBIT	21,062	28,294	38,468	52,956	58,950
LNST	28,206	33,584	44,717	59,602	63,963
EPS (VND)	6,281	6,788	9,038	12,047	12,929
Tăng trưởng EPS (%)	26%	8%	33%	33%	7%
P/E (x)	14.2	12.2	9.1	6.9	6.4
EV/EBITDA (x)	10.1	8.2	6.0	4.2	3.4
Cổ tức trên mệnh giá (VND)	1,101	1,500	1,500	1,500	1,500
Lợi suất cổ tức tiền mặt (%)	1%	2%	2%	2%	2%
P/B (x)	4.4	3.0	2.2	1.6	1.3
ROE (%)	31%	24%	24%	24%	20%
Nợ vay / Vốn CSH (%)	28%	21%	17%	13%	11%

Nguồn: MBS Research

Ngày báo cáo	4/11/2021
Thị giá ngày báo cáo	82,700 VND/cp
Giá mục tiêu (VND)	99,400 VND/cp
Tăng / giảm (%)	20%
Mã Bloomberg	VHM VN
Vốn hóa	360,106 tỷ VND
Biến động 52 tuần	VND 57,411 – VND 91,008
KLGDBQ	429 tỷ VND
Giới hạn sở hữu nước ngoài	100%
Sở hữu nước ngoài	22.9%

CTCP VINHOMES (HSX: VHM)

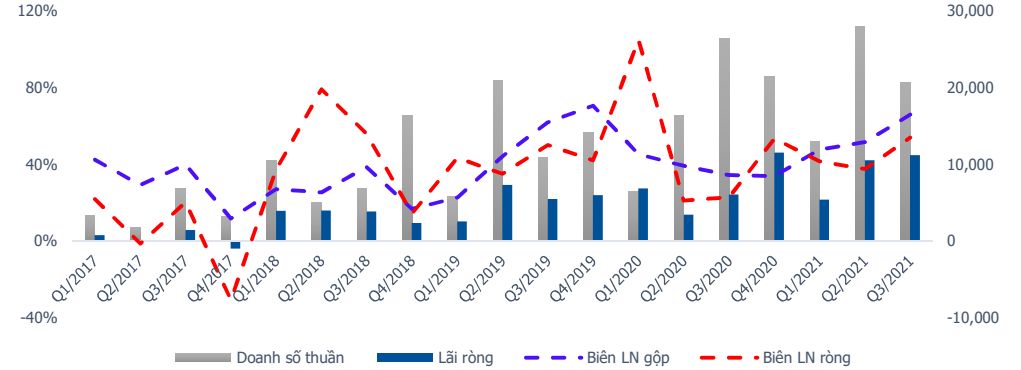


MUA, Giá mục tiêu: 99,400 VND (+20%)

Cập nhật kết quả kinh doanh

- Trong Q3/2021, VHM ghi nhận doanh thu thuần đạt 20.679 tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ năm trước. Nguồn doanh thu chính đến từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (84% tổng doanh thu). Ngoài ra, doanh thu từ mảng cung cấp dịch vụ tổng thầu xây dựng, tư vấn thiết kế và giám sát thi công đóng góp 12% vào tổng doanh thu.
- Lãi ròng 9T 2021 tăng 66% so với cùng kỳ, từ 16 nghìn tỉ trong 9 2020 lên 27 nghìn tỷ đồng. Vinhomes ghi nhận 61.681 tỷ đồng doanh thu (+25% yoy) và LNST đạt 27.244 tỷ đồng (+58% yoy).
- Động lực chính thúc đẩy tăng lợi nhuận quý 3 của VHM đến từ sự cải thiện của biển lãi gộp. Giá vốn giảm mạnh 60% giúp biên lãi gộp tăng từ 34% lên 66% (so với cùng kỳ), chủ yếu nhờ các giao dịch bán buôn.
- Hoạt động tài chính giúp VHM ghi nhận thêm 881 tỷ đồng lợi nhuận. Doanh thu từ hoạt động tài chính đạt gần 1.392 tỷ đồng, tăng 24.5%. Trong đó, chủ yếu biến động ở khoản thu nhập từ hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh. Khoản thu nhập này bao gồm lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh với Tập đoàn VINGROUP và một công ty trong cùng tập đoàn cho mục đích phát triển các dự án bất động sản và hợp tác kinh doanh.
- Nhờ có sự cải thiện chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu, chi phí tài chính giảm mạnh còn 512 tỷ (-57% yoy). Chi phí bán hàng cũng giảm 75% nhờ có sự cắt giảm chi phí tư vấn, bảo lãnh và hoa hồng môi giới.
- Năm 2021, Vinhomes đề ra mục tiêu doanh thu đạt 90.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế ở mức 35.000 tỷ đồng. Như vậy, sau 9 tháng đầu năm, doanh nghiệp đã thực hiện được 69% kế hoạch doanh thu và 78% chỉ tiêu lợi nhuận.
- Số lượng căn hộ bán ra trong quý 3 đạt hơn 3.400, chủ yếu đến từ phân khúc Cao cấp. Tại khu vực Hà Nội, hơn 2.900 căn hộ đã được bán, giảm 33% so với cùng kỳ. Như vậy, lũy kế 9 tháng đầu năm 2021, tổng số lượng căn hộ bán được giảm 1% so với 9T 2020. Tại khu vực Hồ Chí Minh, chịu ảnh hưởng bởi giãn cách xã hội kéo dài, chỉ hơn 1.500 căn hộ được bán ra trong quý 3, giảm 68% so với cùng kỳ. Tổng lũy kế tháng đầu năm giảm 17% so với 9 tháng đầu năm ngoái.
- Số lượng căn hộ mở bán tại Hà Nội trong quý 3 lên 3.400 căn, giảm 1% so với cùng kỳ. Tại thành phố Hồ Chí Minh, 1.600 căn hộ được mở bán, giảm 70% so với cùng kỳ.

KẾT QUẢ KINH DOANH THEO QUÝ



CÁC DỰ ÁN CHÍNH

	Ocean Park	Smart City	Grand Park
Tổng diện tích	3,500,000	2,601,000	3,241,000
Số lượng căn hộ đã bán	38,300	34,500	39,300
Tổng số lượng căn hộ	47,300	47,000	45,500
Doanh thu chưa hạch toán	6,970	8,960	14,280
Tiến độ xây dựng	70%	47%	60%

Nguồn: MBS Research, VHM

CTCP VINHOMES (HSX: VHM)



MUA, Giá mục tiêu: 99,400 VND (+20%)

Tình hình tài chính

Tổng tài sản 9T2021 đạt 219 tỷ đồng, tăng 4% so với cuối năm 2020. Trong đó vốn chủ sở hữu đạt 119 tỷ đồng, tăng 34% so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2020.

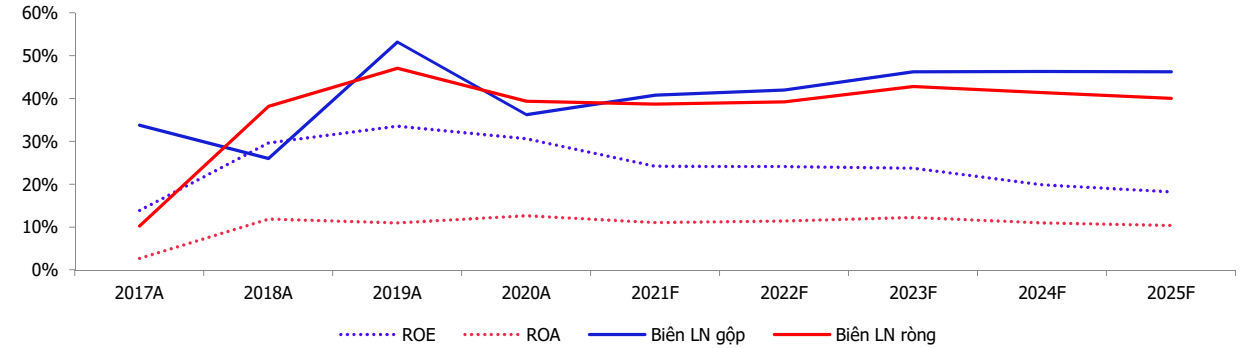
Khoản đầu từ tài chính ngắn hạn tụt trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tăng gấp 3 lần so với đầu năm, lên hơn 7.000 tỷ đồng. Các khoản phải thu ngắn hạn cũng tăng lên 50.375 tỷ đồng, tăng 48% so với đầu năm.

Khoản mục hàng tồn kho giảm 26% so với đầu năm, xuống còn gần 32 nghìn tỷ đồng. Trong đó, bất động sản để bán đang xây dựng chiếm tỉ trọng 91%, chủ yếu bao gồm tiền sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng và phát triển dự án Vinhomes Grand Park, Vinhomes Smart City, Vinhomes Ocean Park và các dự án khác.

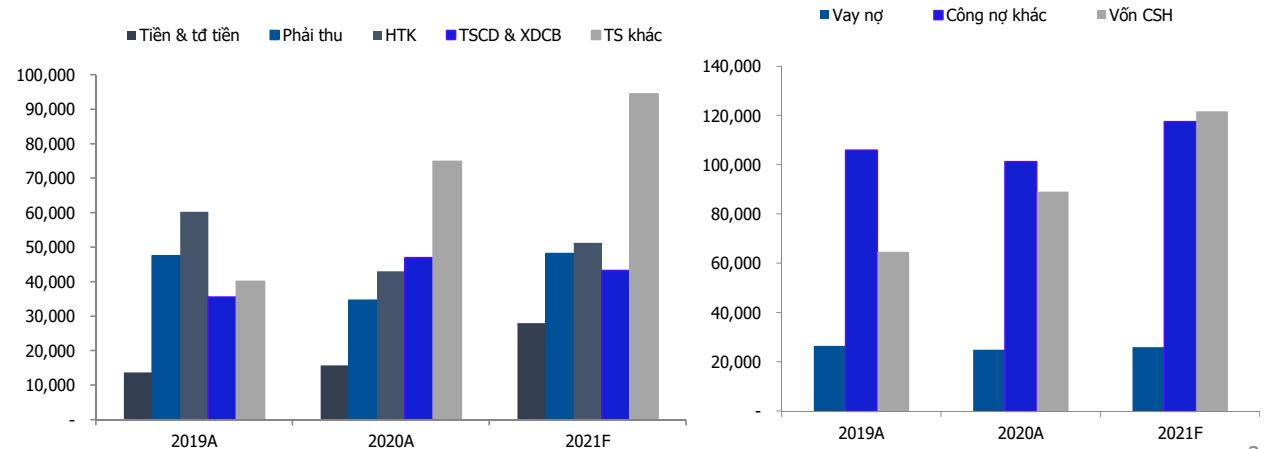
Ngoài ra, tại thời điểm cuối tháng 9 2021, nợ phải trả cũng giảm 21%, còn hơn 100 nghìn tỷ đồng. Trong đó, nợ vay ngắn hạn giảm 46% và nợ vay dài hạn tăng 11%.

Bên cạnh đó, khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn giảm 41% so với đầu năm, xuống còn 15,806 tỷ đồng, do giảm thanh toán theo các hợp đồng chuyển nhượng bất động sản.

Các chỉ số lợi nhuận



Bảng cân đối kế toán



Nguồn: MBS Research, VHM

CTCP VINHOMES (HSX: VHM)



MUA, Giá mục tiêu: 99,400 VND (+20%)

Thị trường bất động sản – Thị trường căn hộ

Quý 3 2021, Lượng bán và nguồn cung của thị trường căn hộ khắp các tỉnh và thành phố đều chịu ảnh hưởng bởi diễn biến dịch phức tạp cũng như biện pháp giãn cách xã hội kéo dài. Tuy nhiên, trong tình trạng "bình thường mới", thị trường căn hộ được dự đoán sẽ dần phục hồi trong quý 4.

Tại Hà Nội

Nguồn cung: Lượng căn hộ mở bán mới trong quý là hơn 1000 căn, giảm 50% so với lượng mở bán trong quý 2. Phần lớn nguồn cung mới nằm tại quận Nam Từ Liêm với 2 dự án The Matrix One và Masteri Smart City với 370 căn và 300 căn mở bán, lần lượt là 36.3% và 29.4% tổng nguồn cung mới.

Lượng bán: Tổng lượng bán trong quý 3 đạt 1,449 căn, giảm 46.8% so với quý 2, chủ yếu là do hoạt động giao dịch trực tiếp bị gián đoạn. Mặc dù một số sàn giao dịch đã chủ động chuyển đổi mô hình tiếp cận khách hàng sang hình thức trực tuyến, tuy nhiên do tâm lý lo ngại của người mua nên hình thức này chưa tạo ra hiệu quả như mong đợi.

Giá bán: Giá bán sơ cấp trung bình tăng 9.3% theo năm, đạt 1,650 USD/m² trong quý 3, nhờ có các dự án chất lượng cao được bổ sung vào phân khúc hàng sơ cấp trong khi các dự án giá thấp đã bán hết. Tuy nhiên, nếu tính trên các dự án hiện hữu, thị trường ghi nhận giá bán mức ổn định, trung bình ở mức 1.4% theo năm và 0.9% theo quý.

Tại Tp. HCM

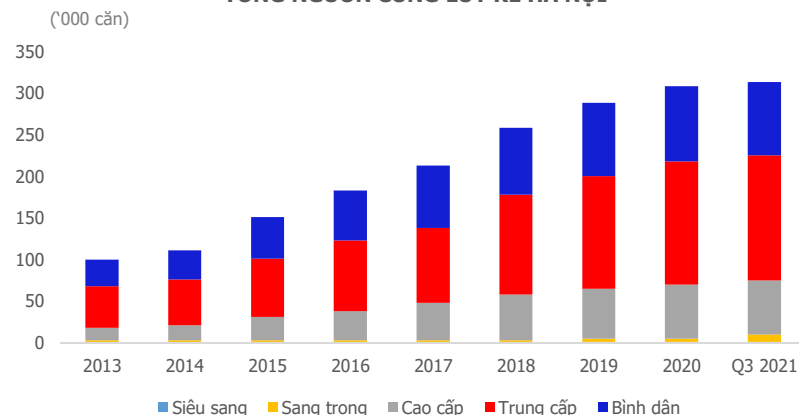
Nguồn cung: Nguồn cung mới trong quý 3 đạt 1,610 căn, giảm mạnh 73.4% theo quý và 67.6% yoy. Đây là lượng mở bán thấp kỷ lục kể từ năm 2014.

Lượng bán: Tổng lượng bán giảm 40.3% so với cùng kỳ (2,968 căn hộ), do nguồn cung mới hạn chế. Phân khúc Trung cấp vẫn được ưa chuộng nhất, chiếm 77% tổng lượng căn bán, đóng góp bởi dự án quy mô lớn như Vinhomes Grand Park_Origami.

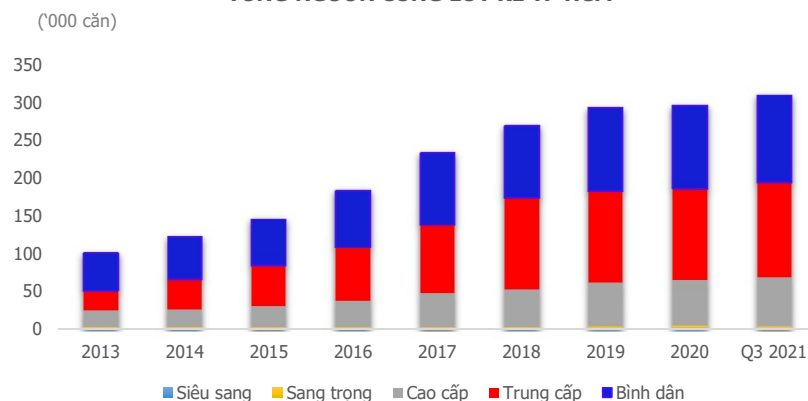
Giá bán: Giá bán sơ cấp trung bình tăng 4.4% theo quý và 10.9% yoy, lên 2,683 USD/m². Giá bán tăng mạnh trong bối cảnh nguồn cung khan hiếm và các dự án mới gia nhập thị trường đều ở phân khúc Trung cấp trở lên. Giá bán có xu hướng tăng đều khắp các quận huyện nội thành và khả năng lan rộng ra các quận huyện vùng ven với nhiều dự án mới chào bán với mức giá cao kỷ lục so với mặt bằng chung của khu vực.

Triển vọng: Trong ba tháng cuối năm, thị trường căn hộ ở Hà Nội và Hồ Chí Minh được dự đoán sẽ dần hồi phục khi các biện pháp hạn chế tiếp xúc để chống dịch dần được gỡ bỏ. Tại Hà Nội, khoảng 2,600 căn hộ sẽ được mở bán trong quý 4, nâng nguồn cung Tại HCM, trong giá định tình trạng "bình thường mới" được diễn ra không gián đoạn, dự kiến mở bán tổng cộng gần 10,000 căn hộ trong quý 4.

TỔNG NGUỒN CUNG LŨY KẾ HÀ NỘI



TỔNG NGUỒN CUNG LŨY KẾ TP HCM



Nguồn: MBS Research, JLL

CTCP VINHOMES (HSX: VHM)



MUA, Giá mục tiêu: 99,400 VND (+20%)

Định giá

- Sử dụng phương pháp định giá RNAV, chúng tôi xác định giá trị mỗi cổ phiếu VHM ở mức VND 99,400, tương ứng với PE forward ở mức 12.2, khá hấp dẫn đối với cổ phiếu BDS đầu ngành.

Bất động sản							379,573
Dự án	Diện tích bán ('000 m2)	Tỷ lệ sở hữu	Năm bàn giao	Năm kết thúc	Giá trị thuần		
Vinhomes Ocean Park	3,170	84%	2020	2023	11,937		
Vinhomes Smart City	2,750	90%	2020	2023	11,444		
Vinhomes Grand Park	3,331	90%	2020	2023	17,204		
Vinhomes Project D - (Vinhomes Co Loa)	3,316	83%	2022	2027	13,156		
Vinhomes Project E - (Vinhomes Lang Van)	758	96%	2022	2025	4,664		
Vinhomes Project F - (Vinhomes Vu Yen)	4,097	100%	2023	2027	17,648		
Vinhomes Project G - Phase 1 - (Vinhomes Cu Chi - Phase 1)	5,734	88%	2022	2027	12,782		
Vinhomes Project G - Phase 2 - (Vinhomes Cu Chi - Phase 2)	8,601	88%	2025	2031	16,723		
Vinhomes Project H - Phase 1 - (Vinhomes Long Beach Can Gio - Phase 1)	7,843	99%	2022	2027	27,847		
Vinhomes Project H - Phase 2 - (Vinhomes Long Beach Can Gio - Phase 2)	8,157	99%	2025	2031	17,499		
Vinhomes Project H - Phase 3 - (Vinhomes Long Beach Can Gio - Phase 3)	5,542	99%	2027	2034	9,766		
Vinhomes Project H - Phase 4 - (Vinhomes Long Beach Can Gio - Phase 4)	5,385	99%	2030	2037	5,831		
Vinhomes Project K - (Vinhomes Dream City)	6,003	100%	2022	2027	33,179		
Vinhomes Project L - Phase 1 - (Green Ha Long - Phase 1)	9,534	100%	2023	2027	20,791		
Vinhomes Project L - Phase 2 - (Green Ha Long - Phase 2)	13,738	100%	2025	2033	23,086		
Vinhomes Project L - Phase 3 - (Green Ha Long - Phase 3)	18,936	100%	2028	2034	31,962		
Vinhomes Project L - Phase 4 - (Green Ha Long - Phase 4)	15,063	100%	2031	2037	21,446		
Vinhomes Project L - Phase 5 - (Green Ha Long - Phase 5)	12,907	100%	2035	2040	20,804		
Vinhomes Project M - (Vinhomes Đại An)	3,406	100%	2022	2027	17,175		
Khác					90,963		
Văn phòng							59,250
Dự án	NSA ('000m2)	Tỷ lệ sở hữu	Năm bắt đầu	Tỷ lệ hấp thụ (%)	Giá trị thuần		
VinOffice Dong Khoi	77	100%	2010	97%	11,444		
VinOffice Times City (T13+T26)	17	100%	2014	100%	1,384		
VinOffice Symphony	20	100%	2019	88%	1,062		
VinOffice Central Park	2	100%	2019	100%	248		
Pipeline projects	4,219	90 - 100%	2020 - 2035	0%	45,113		
Khu công nghiệp							9,567
Dự án	NSA ('000m2)	Tỷ lệ sở hữu	Năm bắt đầu	Tỷ lệ hấp thụ (%)	Giá trị thuần		
Hải Dương	14,000	90 - 100%			4,919		
Hải Phòng	7,101	90 - 100%			4,425		
Quảng Ninh	3,189	90 - 100%			223		
Thái Bình	4,725	90 - 100%			250		
Tổng giá trị tài sản							448,390
Tiền & tương đương tiền					4,505		
Đầu tư ngắn hạn					7,098		
Nợ vay					(21,509)		
Lợi ích CĐTS					(5,472)		
NAV					433,012		
Sở CP lưu hành					4,354,368,093		
NAV/CP					99,400		

Nguồn: MBS Research, VHM

CTCP VINHOMES (HSX: VHM)



MUA, Giá mục tiêu: 99,400 VND (+20%)

Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)	2020	2021F	2022F	2023F	2024F
Doanh thu thuần	71,547	86,723	113,891	139,183	154,581
Giá vốn hàng bán	45,611	51,319	66,086	74,816	82,958
Lợi nhuận gộp	25,936	35,404	47,805	64,367	71,623
Doanh thu hoạt động tài chính	20,245	18,436	22,894	27,724	27,667
Chi phí tài chính	4,019	4,230	4,783	5,343	5,736
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,874	7,110	9,337	11,410	12,673
Lợi nhuận trước thuế	36,517	41,980	55,896	74,503	79,954
Lợi nhuận sau thuế	28,206	33,584	44,717	59,602	63,963
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	27,351	29,559	39,357	52,458	56,296
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	855	4,025	5,360	7,144	7,667

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	2020	2021F	2022F	2023F	2024F
Tài sản ngắn hạn	102,312	161,555	220,508	287,130	357,594
I. Tiền & tương đương tiền	13,714	26,152	44,576	78,484	126,204
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,054	1,849	1,849	1,849	1,849
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	34,593	47,554	62,451	76,320	84,764
IV. Hàng tồn kho	42,984	51,311	66,076	74,804	82,945
V. Tài sản ngắn hạn khác	8,968	34,689	45,556	55,673	61,833
Tài sản dài hạn	113,014	103,737	122,497	140,230	152,499
I. Các khoản Phải thu dài hạn	11,084	13,294	17,458	21,335	23,695
II. Tài sản cố định	5,907	584	556	530	504
1. Tài sản cố định hữu hình	5,683	584	556	530	504
2. Tài sản cố định vô hình	223	0	0	0	0
III. Bất động sản đầu tư	8,700	9,403	12,159	14,894	17,609
IV. Tài sản dở dang dài hạn	32,361	33,332	34,332	35,362	36,423
V. Đầu tư tài chính dài hạn	9,756	9,756	9,756	9,756	9,756
VI. Tài sản dài hạn khác	45,207	37,368	48,236	58,352	64,512
Tổng tài sản	215,326	265,292	343,005	427,360	510,093
Nợ phải trả	126,197	143,519	179,992	207,030	227,737
I. Nợ ngắn hạn	103,385	121,802	154,982	179,131	197,798
1. Các khoản phải trả ngắn hạn	92,388	110,475	143,315	167,114	185,420
2. Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	10,998	11,328	11,667	12,017	12,378
II. Nợ dài hạn	22,811	21,717	25,010	27,899	29,939
1. Các khoản phải trả dài hạn	8,854	7,061	9,182	10,804	11,990
2. Vay & nợ thuê tài chính dài hạn	13,958	14,656	15,828	17,094	17,949
Vốn chủ sở hữu	89,130	121,773	163,013	220,330	282,356
1. Vốn điều lệ	43,544	43,544	43,544	43,544	43,544
2. Thặng dư vốn cổ phần	295	295	295	295	295
3. Các khoản lợi nhuận chưa phân phối	46,211	71,944	109,294	161,248	218,352
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	3,429	9,020	12,075	16,321	20,915
5. Vốn khác	-4,349	-3,030	-2,195	-1,078	-751
Tổng nguồn vốn	215,326	265,292	343,005	427,360	510,093

Nguồn: VHM, MBS Research

Chỉ số chính	2020	2021F	2022F	2023F	2024F
Định giá					
EPS	6,281	6,788	9,038	12,047	12,929
Giá trị sổ sách của cổ phiếu (BVPS)	20,469	27,966	37,437	50,600	64,844
P/E	14.2	12.2	9.1	6.9	6.4
P/B	4.4	3.0	2.2	1.6	1.3
Khả năng sinh lời					
Biên lợi nhuận gộp	36%	41%	42%	46%	46%
Biên EBITDA	30%	33%	34%	38%	38%
Biên lợi nhuận sau thuế	39%	39%	39%	43%	41%
ROE	31%	24%	24%	24%	20%
ROA	13%	11%	11%	12%	11%
Tăng trưởng					
Doanh thu	39%	21%	31%	22%	11%
Lợi nhuận trước thuế	23%	15%	33%	33%	7%
Lợi nhuận sau thuế	16%	19%	33%	33%	7%
EPS	26%	8%	33%	33%	7%
Tổng tài sản	9%	23%	29%	25%	19%
Vốn chủ sở hữu	38%	37%	34%	35%	28%
Thanh khoản					
Thanh toán hiện hành	0.99	1.33	1.42	1.60	1.81
Thanh toán nhanh	0.15	0.23	0.30	0.45	0.65
Nợ/tài sản	12%	10%	8%	7%	6%
Nợ/vốn chủ sở hữu	28%	21%	17%	13%	11%
Khả năng thanh toán lãi vay	7.02	9.66	12.51	16.27	17.25
Hiệu quả hoạt động					
Vòng quay phải thu khách hàng	1.7	2.1	2.0	2.0	1.9
Thời gian thu tiền khách hàng bình quân	210 ngày	174 ngày	179 ngày	184 ngày	193 ngày
Vòng quay hàng tồn kho	0.9	1.1	1.1	1.1	1.1
Thời gian tồn kho bình quân	413 ngày	335 ngày	324 ngày	344 ngày	347 ngày
Vòng quay phải trả nhà cung cấp	5.2	4.2	4.5	4.2	4.2
Thời gian trả tiền bình quân	70 ngày	86 ngày	81 ngày	86 ngày	87 ngày

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tỷ đồng)	2020	2021F	2022F	2023F	2024F
LCTT từ HĐ kinh doanh	24,882	8,546	24,461	38,741	52,700
LCTT từ HĐ đầu tư	-22,420	3,805	-4,072	-4,164	-4,258
LCTT từ HĐ tài chính	-2,081	87	-1,964	-670	-722
LCTT trong kỳ	382	12,439	18,424	33,907	47,721
Tiền/tương đương tiền đầu kỳ	13,332	13,714	26,152	44,576	78,484
Tiền/tương đương tiền cuối kỳ	13,714	26,152	44,576	78,484	126,204

Liên hệ: Phòng Nghiên cứu Khách hàng Tổ chức – Khôi Nghiên cứu

Trưởng Phòng

Hoàng Công Tuấn Tuan.HoangCong@mbs.com.vn

Nhóm nghiên cứu Kinh tế vĩ mô

Kinh tế vĩ mô

Nguyễn Trọng Việt Hoàng Hoang.NguyenTrong@mbs.com.vn

Trái phiếu

Lê Minh Anh Anh.LeMinh@mbs.com.vn

Nhóm Nghiên cứu Ngành và Cổ phiếu

Năng lượng - Dầu khí

Chu Thế Huỳnh Huynh.ChuThe@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Trần Thái Bình Binh.TranThai@mbs.com.vn

Hàng tiêu dùng - Bán lẻ

Trần Minh Phương Phuong.TranMinh@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Đình Công Luyện Luyen.DinhCong@mbs.com.vn

Tài chính - Ngân hàng

Đỗ Lan Phương Phuong.DoLan@mbs.com.vn

Tài chính- Vật liệu xây dựng

Dương Thiện Chí Chi.DuongThien@mbs.com.vn

Vật liệu xây dựng

Hoàng Ngân Giang Giang.HoangNgan@mbs.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của MBS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	>=15%
GIỮ	Từ -15% đến +15%
BÁN	<= -15%

MBS SECURITIES

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP, HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác, Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MS Finance). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS RESEARCH | TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Copyrights. MBS 2020, ALL RIGHTS RESERVED. Bản quyền năm 2020 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa Nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội | Tel: +84 24 7304 5688 – Fax: +84 24 3726 2601 | Website: www.mbs.com.vn